

Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,002.97	115.80	53.49
% ngày	(0.18)	0.64	0.95
% tuần	1.17	2.14	2.97
% tháng	2.43	5.25	4.09
% năm	24.76	9.50	(1.83)
GTGD (Tỷ đồng)			
Trong ngày	3,883	78	459
Hôm qua	4,155	818	433
TB 1 tháng	3,537	598	222
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	3,004.55	15.87	74.63
Bán	3,740.42	24.51	37.90
Giá trị ròng	(735.87)	(8.64)	36.73
Độ rộng TT			
Mã Tăng	120	70	100
Mã Giảm	159	86	84
Không Đổi	74	228	550
Chỉ số chính			
P/E	18x	11.7x	10x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,212	48	883
LS Cổ tức	2.09	6.18	4.41

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

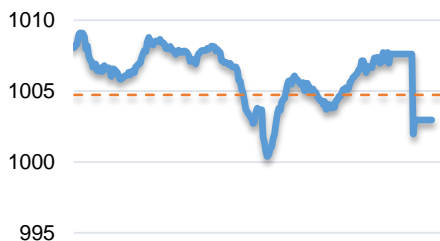
DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường vẫn giao dịch theo chiều hướng tích cực trong phiên giao dịch cuối tuần và cuối phiên có điều chỉnh nhẹ đến từ việc cơ cấu của các quỹ ETF lớn, và những mã ảnh hưởng chính đa số đều niêm yết trên sàn HSX. Thanh khoản của thị trường trong phiên tăng đột biến khi tổng giá trị giao dịch trên toàn thị trường hơn 10,600 tỷ đồng. Tính riêng trên sàn HSX, lượng giao dịch là 9,000 tỷ đồng trong đó phần giao dịch khối ngoại chiếm từ 35 – 40% tổng giá trị giao dịch.

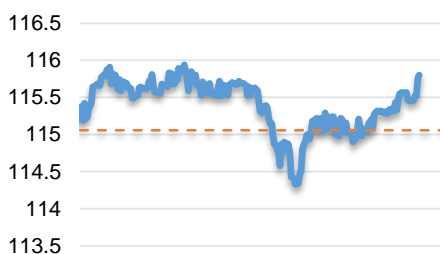
Trước khi phiên ATC xảy ra thì khối ngoại vẫn mua ròng hơn 200 tỷ trên sàn HSX tuy nhiên hiệu ứng ETF đã làm cho dòng vốn ngoại chảy ra khỏi thị trường Việt Nam trong phiên hơn 700 tỷ đồng. Cuối phiên ngoài KDC bị loại ra khỏi VNM ETF bị giảm sàn còn có những mã như NVL và TCH. Ngoài ra còn có các mã khác giảm điểm trong phiên như VHM, GEX... Ngành ngân hàng vẫn duy trì phong độ với nhiều mã tăng tốt như CTG, VPB, MBB, STB, SHB... Chính ngành này đã đóng vai trò chủ đạo hỗ trợ cho thị trường.

Chỉ số VN-Index có sự điều chỉnh nhẹ khoảng 0.18% tuy nhiên vẫn chưa thủng mốc 1,000 điểm, đóng cửa ở mức 1,003 điểm. Sàn HNX và Upcom vẫn có mức tăng khá tốt trong phiên khi chỉ số HNX-Index tăng 0.64% đóng cửa ở mức 115.8 điểm và chỉ số Upcom-Index tăng gần 1% chốt cuối phiên tại 53.5 điểm.

VNINDEX



HNX INDEX



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ duy trì đà tăng trong tuần giao dịch tới và chỉ số VN-Index có thể sẽ vượt hoàn toàn mức 1,000 điểm. Đồng thời, thị trường có thể sẽ tiếp tục bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho nên thanh khoản sẽ tiếp tục tăng dần, đặc biệt nhóm cổ phiếu tài chính sẽ tiếp tục dẫn dắt đà tăng chính của thị trường trong tuần giao dịch tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục có chiều hướng gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của hai chỉ số với mức cắt lỗ ở mức 979.83 điểm của chỉ số VN-Index và 111.41 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

Theo đồ thị tuần, thị trường tiếp tục duy trì đà tăng với thanh khoản tăng mạnh. Đồng thời, rủi ro trung hạn tiếp tục có chiều hướng giảm dần và thị trường vẫn đang bước vào giai đoạn tích lũy trung hạn. Ngoài ra, hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng trung hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 1,021 điểm và nâng mức xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index từ GIẢM lên TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể xem xét tích lũy và tăng dần tỷ trọng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 68% cổ phiếu/32% tiền mặt.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 51% cổ phiếu/49% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	1,000	1,044	955	890
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	TĂNG	120.5	126.5	110.5	103.5



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.15	GIẢM	GIẢM		17.65				19.58		
ACB	34.40	TĂNG	GIẢM	30.96	32.58	11.11%			36.35		
ACV	85.70	TĂNG	GIẢM	84.10	80.38	1.90%			93.16		
ANV	21.45	TĂNG	TĂNG	18.90	20.28	13.49%		21.45	21.39	0.00%	MUA
ASM	12.80	TĂNG	GIẢM	13.30	12.41	-3.76%			14.14		
BFC	26.85	GIẢM	GIẢM		27.90				28.92		
BHN	83.00	TĂNG	GIẢM	83.60	79.41	-0.72%			101.13		
BID	35.30	TĂNG	TĂNG	25.80	33.26	36.82%		33.40	28.16	5.69%	
BMP	60.20	TĂNG	GIẢM	56.20	56.66	7.12%			62.30		
BSR	19.30	TĂNG	GIẢM	18.10	17.93	6.63%			19.99		
BVH	97.70	TĂNG	TĂNG	95.70	91.94	2.09%		86.00	77.87	13.60%	
BWE	18.50	TĂNG	GIẢM	17.70	17.77	4.52%			19.20		
CEO	13.90	TĂNG	GIẢM	13.40	12.94	3.73%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.16			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.05	TĂNG	TĂNG	14.25	13.73	-1.40%		14.39	12.77	-2.36%	
CTD	167.00	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	11.71%		161.20	142.39	3.60%	
CTG	28.10	TĂNG	TĂNG	24.00	25.68	17.08%			28.07		
CTI	25.50	GIẢM	GIẢM		27.21				31.34		
CVT	27.50	TĂNG	GIẢM	27.05	25.60	1.66%			29.20		
DCM	10.35	TĂNG	GIẢM	10.16	10.05	1.85%			10.69		
DGW	27.50	TĂNG	TĂNG	23.90	25.53	15.06%		27.50	26.51	0.00%	MUA
DHA	28.30	TĂNG	GIẢM	28.20	26.97	0.35%			28.49		
DHC	44.60	TĂNG	TĂNG	42.35	43.42	5.31%		44.60	43.77	0.00%	MUA
DHG	96.90	TĂNG	GIẢM	95.30	92.64	1.68%			104.17		
DPG	53.00	TĂNG	TĂNG	40.90	49.96	29.58%		52.00	39.74	1.92%	
DPM	17.95	TĂNG	GIẢM	18.10	17.21	-0.83%			18.72		
DPR	37.70	TĂNG	GIẢM	37.50	36.77	0.53%			38.96		
DQC	29.80	TĂNG	GIẢM	29.55	27.96	0.85%			30.33		
DRC	27.40	TĂNG	TĂNG	25.85	26.16	6.00%		24.30	22.77	12.76%	
DXG	29.80	TĂNG	TĂNG	28.80	27.69	3.47%		29.80	29.38	0.00%	MUA
ELC	9.05	GIẢM	GIẢM		9.18				10.51		
FCN	16.45	TĂNG	TĂNG	16.45	15.62	0.00%		17.70	14.10	-7.06%	
FIT	4.15	TĂNG	GIẢM	4.27	4.05	-2.81%			4.98		
FMC	26.40	TĂNG	TĂNG	21.20	25.64	24.53%		24.70	22.11	6.88%	
FPT	45.90	TĂNG	TĂNG	44.55	44.00	3.03%		45.90	45.46	0.00%	MUA
GAS	115.90	TĂNG	TĂNG	101.50	107.36	14.19%		103.00	87.13	12.52%	
GEX	27.80	GIẢM	TĂNG		29.24			30.10	25.97	-7.64%	
GIL	38.35	GIẢM	TĂNG	30.41	38.49	26.58%	BÁN	34.90	33.73	9.89%	



We Create Fortune

GMD	27.30	TĂNG	TĂNG	25.40	25.92	7.48%		27.30	27.06	0.00%	MUA
GTN	10.90	GIẢM	TĂNG		11.22			11.20	9.83	-2.68%	
HAG	6.10	GIẢM	TĂNG		6.47			6.19	5.86	-1.45%	
HAX	17.15	TĂNG	GIẢM	16.40	16.39	4.57%			18.40		
HBC	24.45	TĂNG	GIẢM	23.80	22.83	2.73%			26.74		
HDB	38.85	TĂNG	GIẢM	38.20	37.19	1.70%			42.32		
HNG	16.80	TĂNG	TĂNG	16.70	16.44	0.60%		8.20	14.25	104.88%	
HPG	41.30	TĂNG	GIẢM	37.20	38.70	11.02%			42.50		
HSG	12.35	TĂNG	GIẢM	11.35	11.50	8.81%			13.04		
HT1	13.65	TĂNG	TĂNG	11.75	13.19	16.17%		13.00	11.87	5.00%	
HUT	5.30	GIẢM	GIẢM		5.40				6.47		
HVN	39.40	GIẢM	TĂNG		39.50			39.20	31.92	0.51%	
ITD	12.20	GIẢM	TĂNG		12.30			12.40	11.14	-1.61%	
KBC	12.45	TĂNG	GIẢM	12.40	12.08	0.40%			13.24		
KDH	33.20	TĂNG	TĂNG	30.30	30.56	9.57%		33.40	26.95	-0.60%	
KSB	31.20	GIẢM	GIẢM		32.29				33.01		
LCG	9.29	TĂNG	TĂNG	9.46	9.05	-1.80%		9.39	8.35	-1.06%	
LDG	16.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.60	10.00%		16.50	15.06	0.00%	MUA
LIX	47.10	TĂNG	TĂNG	41.20	46.85	14.32%		44.40	38.77	6.08%	
LPB	10.30	TĂNG	GIẢM	9.50	8.95	8.42%			10.88		
LSS	7.08	TĂNG	GIẢM	7.22	6.83	-1.94%			7.75		
MSN	91.00	GIẢM	TĂNG		94.90			90.60	81.25	0.44%	
MWG	126.00	TĂNG	TĂNG	122.00	117.76	3.28%		121.00	106.33	4.13%	
NKG	15.20	TĂNG	GIẢM	13.70	13.52	10.95%			15.54		
NLG	32.40	TĂNG	TĂNG	31.75	30.77	2.05%		32.40	31.83	0.00%	MUA
NT2	25.70	TĂNG	GIẢM	25.74	25.61	-0.15%			27.15		
NTL	9.75	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.80%		10.45	8.94	-6.70%	
NTP	51.50	TĂNG	TĂNG	51.50	50.59	0.00%	MUA	51.50	51.08	0.00%	MUA
PAC	44.10	TĂNG	TĂNG	40.20	41.62	9.70%		44.10	42.18	0.00%	MUA
PC1	28.00	TĂNG	GIẢM	26.15	26.43	7.07%			28.42		
PDR	26.20	GIẢM	GIẢM		26.24				28.77		
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%			15.56		
PHR	26.40	TĂNG	TĂNG	21.90	25.35	20.55%		24.00	21.67	10.00%	
PLX	70.80	TĂNG	TĂNG	60.50	67.89	17.02%		68.00	59.54	4.12%	
PNJ	101.60	GIẢM	TĂNG		102.91			103.90	86.95	-2.21%	
POW	15.90	TĂNG	TĂNG	13.00	14.97	22.31%		14.10	12.35	12.77%	
PPC	18.70	TĂNG	GIẢM	18.50	18.16	1.08%			19.21		
PTB	61.40	TĂNG	TĂNG	62.40	57.80	-1.60%		64.00	53.16	-4.06%	
PVD	17.80	TĂNG	TĂNG	15.75	16.37	13.02%		16.35	12.08	8.87%	
PVI	33.00	TĂNG	TĂNG	29.90	30.65	10.37%		33.00	32.96	0.00%	MUA
PVS	23.20	TĂNG	TĂNG	17.00	21.62	36.47%		20.90	17.01	11.00%	
PXS	6.80	TĂNG	TĂNG	6.17	6.26	10.21%		6.19	4.69	9.85%	
RAL	103.60	TĂNG	TĂNG	91.00	94.01	13.85%		103.60	100.14	0.00%	MUA



We Create Fortune

REE	36.00	GIẢM	TĂNG		36.29			36.40	31.68	-1.10%	
SAB	219.00	TĂNG	GIẢM	208.00	216.48	5.29%			233.02		
SAM	8.00	TĂNG	TĂNG	7.16	7.59	11.73%		7.75	6.79	3.23%	
SBV	26.20	TĂNG	GIẢM	26.20	24.53	0.00%	MUA		26.95		
SCR	9.35	TĂNG	GIẢM	9.47	9.17	-1.27%			10.30		
SHI	6.15	GIẢM	TĂNG		6.24			6.99	5.88	-12.02%	
SJS	18.90	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	24.60	TĂNG	TĂNG	23.70	23.55	3.80%		23.10	20.08	6.49%	
SSI	32.90	TĂNG	GIẢM	29.55	30.95	11.34%			34.19		
STB	12.70	TĂNG	GIẢM	11.20	11.95	13.39%			12.71		
SVC	41.75	GIẢM	GIẢM		43.97				48.38		
TCB	28.30	TĂNG	GIẢM	26.60	25.80	6.39%			N/A		
TCM	28.80	TĂNG	TĂNG	17.80	27.92	61.80%		21.60	21.53	33.33%	
TDH	11.20	GIẢM	GIẢM		11.59				12.91		
TLH	7.49	TĂNG	GIẢM	7.49	7.34	0.00%	MUA		7.98		
TMT	9.39	TĂNG	TĂNG	7.60	8.95	23.55%		9.29	5.90	1.08%	
TNG	15.20	TĂNG	TĂNG	10.80	14.61	40.74%		12.00	10.99	26.67%	
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		10.78				11.82		
VCB	64.60	TĂNG	TĂNG	64.00	61.30	0.94%		64.60	64.41	0.00%	MUA
VFG	35.80	GIẢM	TĂNG		37.11			34.39	32.56	4.09%	
VGC	19.00	TĂNG	GIẢM	17.90	17.94	6.15%			21.13		
VHM	101.50	GIẢM	N/A		107.82						
VIB	28.60	TĂNG	GIẢM	27.90	26.55	2.51%			N/A		
VIC	98.60	GIẢM	TĂNG		101.62			111.50	92.44	-11.57%	
VIP	6.92	GIẢM	GIẢM		7.07				7.29		
VJC	149.40	GIẢM	TĂNG		154.02			156.00	130.21	-4.23%	
VNM	137.80	TĂNG	GIẢM	132.00	132.36	4.39%			139.87		
VPB	26.30	TĂNG	GIẢM	25.80	24.12	1.94%			30.02		
VRC	22.80	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	28.45%		19.35	19.68	17.83%	
VRE	37.85	GIẢM	GIẢM		38.54				44.44		
VSC	43.20	TĂNG	TĂNG	42.90	40.87	0.70%		35.30	35.61	22.38%	
VSH	17.40	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	0.00%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,002.97	(0.18)
VN30	974.43	0.33
VN Mid	1,050.78	(0.07)
VN Small	841.74	0.07

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	115.80	0.64
HN30	212.98	0.35
VNX AllSh	1,413.12	0.29

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	53.49	0.95

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3,004.55	
Bán	3,740.42	
GT ròng	(735.87)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.87	
Bán	24.51	
GT ròng	(8.64)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	74.63	
Bán	37.90	
GT ròng	36.73	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CTS	700	6.54%
AGR	210	5.85%
NKG	650	4.47%
SMC	700	4.05%
TLH	280	3.88%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NTP	3000	6.19%
VIX	200	2.50%
SHB	200	2.30%
ACB	600	1.78%
AMV	400	1.43%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	700	7.29%
GEG	500	4.10%
QNS	1000	2.60%
VIB	700	2.51%
ACV	1700	2.02%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVL	-4,500	-6.98%
TCH	-1,700	-6.97%
KDC	-2,100	-6.90%
SJF	-1,550	-6.83%
TTF	-200	-3.90%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	-300	-1.94%
PVS	-400	-1.69%
CEO	-200	-1.42%
NDN	-200	-1.37%
VCG	-200	-1.09%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGT	-700	-5.34%
VGG	-1800	-3.11%
POW	-400	-2.45%
MSR	-500	-2.16%
DVN	-300	-1.75%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	314,694	
VHM	271,981	
VNM	239,970	
VCB	232,416	
GAS	221,827	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,902	
VCS	15,808	
SHB	10,708	
PVS	10,363	
VGC	8,519	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	186,580	
BSR	59,840	
MCH	53,979	
HVN	49,240	
POW	37,236	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
HPG	14.27	5.57
STB	14.01	6.24
CTG	11.68	6.36
VPB	9.77	4.63
FLC	8.80	9.95

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	23.25	7.85
PVS	8.16	6.57
ACB	7.29	4.88
PCT	5.20	0.01
VCG	2.19	1.37

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
LPB	6.13	1.45
BSR	4.54	2.44
VLW	4.45	0.00
ART	3.57	1.11
POW	3.32	1.90

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

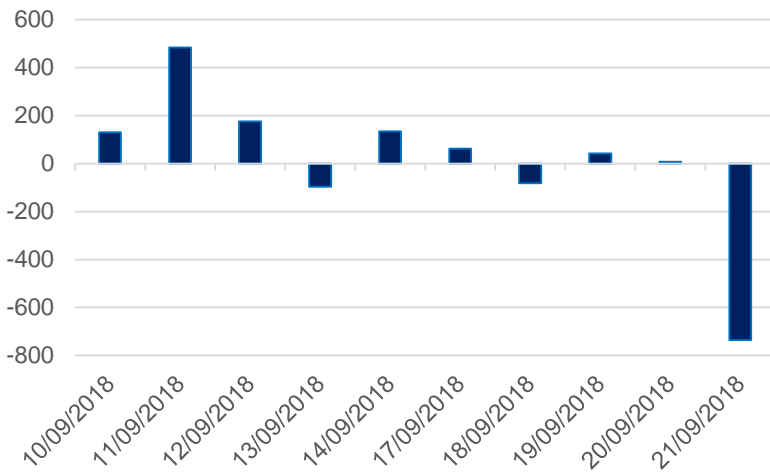
Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

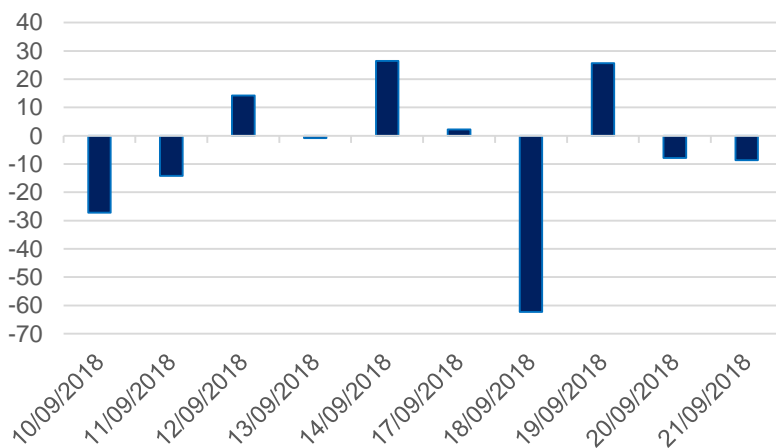
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VNM	48,798	MSN	(214,647)
GEX	37,415	NVL	(179,818)
CTD	29,323	VCB	(95,612)
GAS	24,995	VIC	(70,873)
VCI	16,361	VRE	(67,153)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

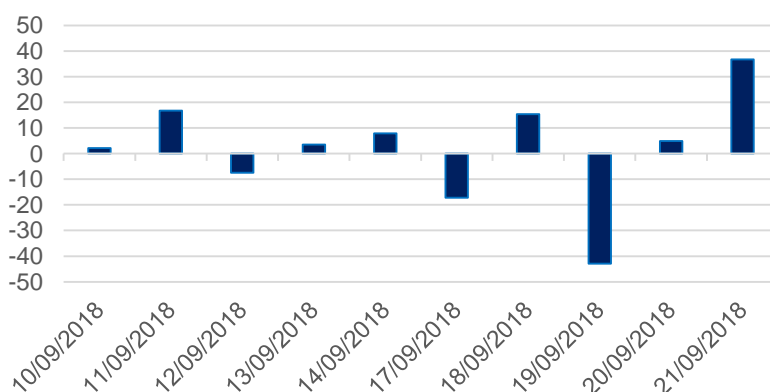
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	5,215	VCG	(7,912)
CEO	695	TIG	(2,810)
SHB	636	PVS	(2,448)
NTP	555	CMI	(1,122)
DHT	378	PVB	(1,089)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	31,300	BSR	(19,416)
POW	8,631	HVN	(2,103)
QNS	7,860	FOX	(617)
LPB	6,420	MPC	(256)
GEG	2,002	EVS	(149)

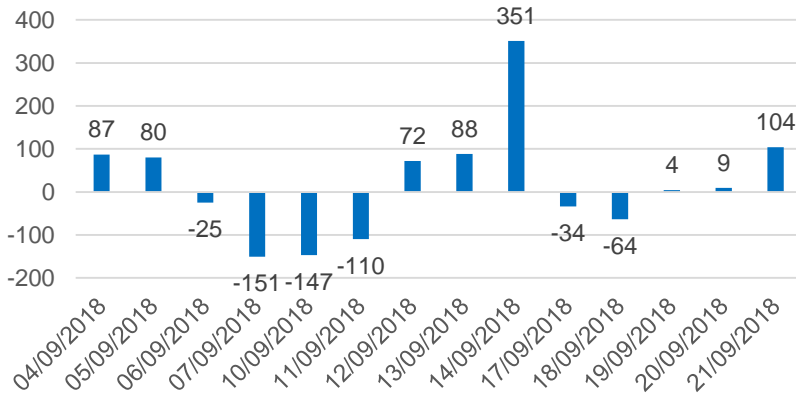
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán
ròng (tỷ đồng)

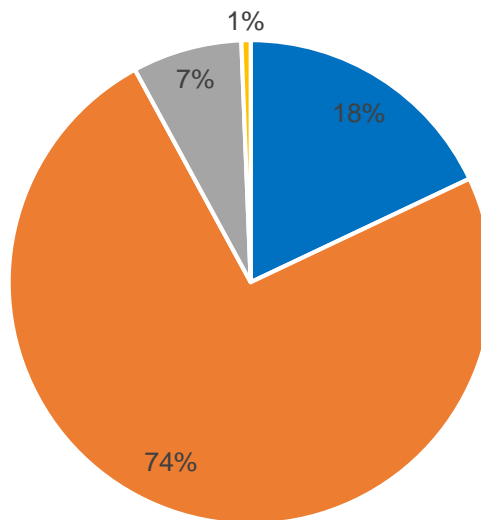


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
NVL	35,538	NVL	33,352
HDG	30,586	HPG	13,077
VPB	27,505	BID	7,798
VIC	18,138	MWG	4,427
MWG	17,099	VIC	4,378

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



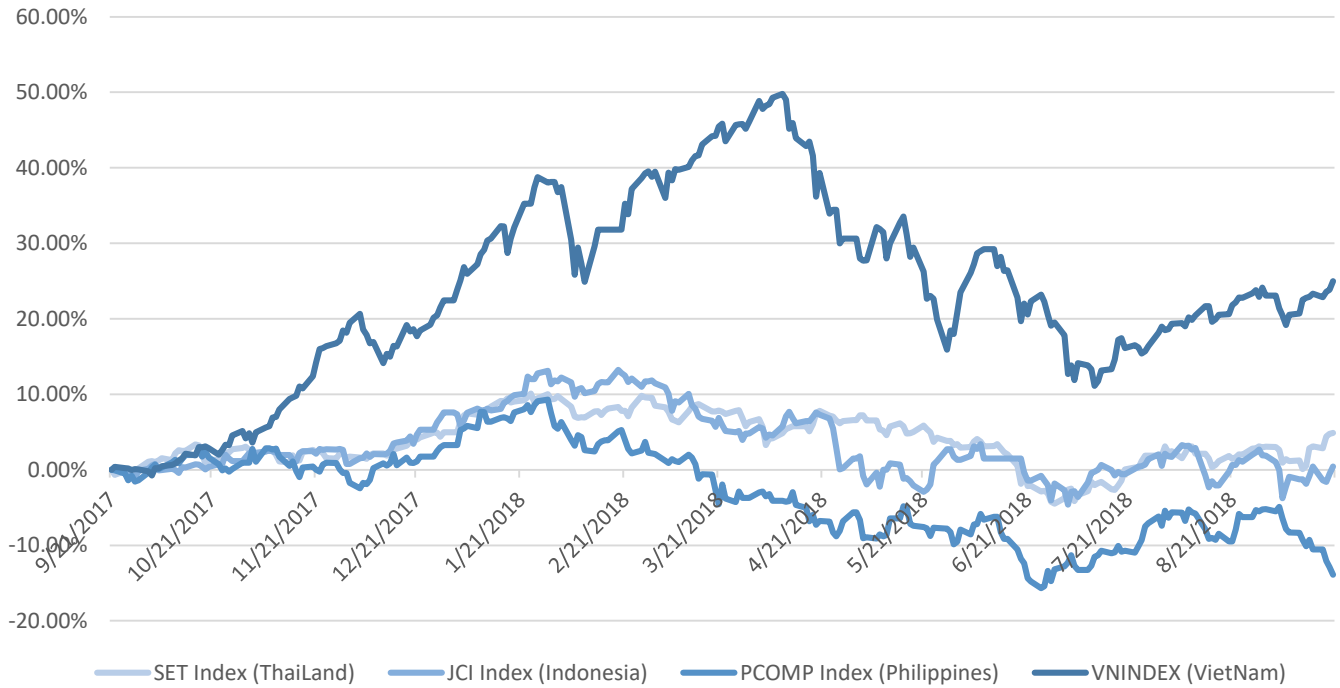
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create **Fortune**

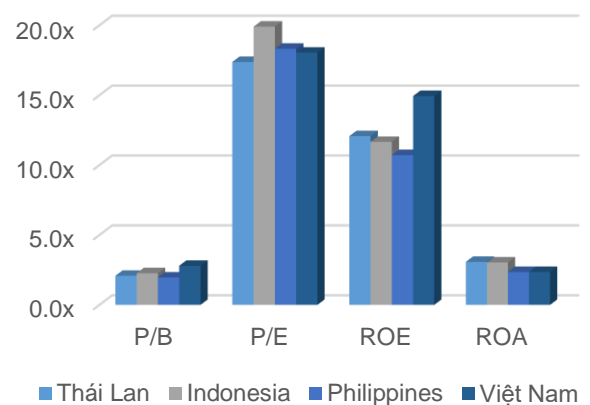
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.3x	2.0x	2.8x
P/E		17.4x	20.0x	19.0x	18.0x
ROE	%	12.07	11.66	10.72	14.94
ROA	%	3.08	3.03	2.36	2.35
Vốn hóa	Tỷ USD	545.66	452.80	166.45	137.63
GTGD	Triệu USD	1.89	0.41	0.06	0.17
LS cổ tức	%	3.01	2.28	1.60	2.09

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written